

PHIẾU THU BÀI

Học kỳ ... , năm học : 20 ... – 20 ...

Môn học: .....

Số TC:.....

Lớp: Đạo diễn điện ảnh K44.

Hình thức thi:.....

Ngày thi (kiểm tra): .....

| S<br>TT | Họ và tên            | Số đề | Số tờ | Chữ ký SV | Ghi chú |
|---------|----------------------|-------|-------|-----------|---------|
| 1       | Nguyễn Phươnh Anh    |       |       |           |         |
| 2       | Nguyễn Phạm Ngọc Ánh |       |       |           |         |
| 3       | Phí Việt Đức         |       |       |           |         |
| 4       | Trần Đình Dũng       |       |       |           |         |
| 5       | Trần Phạm Thái Lai   |       |       |           |         |
| 6       | Nguyễn Bảo Lâm       |       |       |           |         |
| 7       | Nguyễn Trang Linh    |       |       |           |         |
| 8       | Phạm Văn Mạnh        |       |       |           |         |
| 9       | Nguyễn Hồng Minh     |       |       |           |         |
| 10      | Đoàn Duy Tùng        |       |       |           |         |
| 11      | Đào Anh Tuấn         |       |       |           |         |
|         |                      |       |       |           |         |

Giảng viên coi thi 1  
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giảng viên coi thi 2  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**PHIẾU CHẤM ĐIỂM THI VIẾT**

Học kỳ ... , năm học : 20 ... – 20 ...

Môn học: .....

Số TC:.....

Lớp: Đạo diễn điện ảnh K44.

| STT | Họ và tên            | Số phách | Điểm      |            | Ghi chú |
|-----|----------------------|----------|-----------|------------|---------|
|     |                      |          | (Bằng số) | (Bằng chữ) |         |
| 1   | Nguyễn Phương Anh    |          |           |            |         |
| 2   | Nguyễn Phạm Ngọc Ánh |          |           |            |         |
| 3   | Phí Việt Đức         |          |           |            |         |
| 4   | Trần Đình Dũng       |          |           |            |         |
| 5   | Trần Phạm Thái Lai   |          |           |            |         |
| 6   | Nguyễn Bảo Lâm       |          |           |            |         |
| 7   | Nguyễn Trang Linh    |          |           |            |         |
| 8   | Phạm Văn Mạnh        |          |           |            |         |
| 9   | Nguyễn Hồng Minh     |          |           |            |         |
| 10  | Đoàn Duy Tùng        |          |           |            |         |
| 11  | Đào Anh Tuấn         |          |           |            |         |
|     |                      |          |           |            |         |

Tổng số bài thi:.....

Ngày khớp điểm:...../...../20.....

**Cán bộ khớp điểm**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Khoa/Trung tâm**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Học kỳ ... , năm học: 20 ... – 20 ...**

**Số TC:**.....

**Ngày thi (kiểm tra):.....**

| STT | Họ và tên            | Số<br>phiếu thi | Điểm thống nhất của 2 GV |            | Chữ ký<br>SV | Ghi chú |
|-----|----------------------|-----------------|--------------------------|------------|--------------|---------|
|     |                      |                 | (Bảng số)                | (Bảng chữ) |              |         |
| 1   | Nguyễn Phương Anh    |                 |                          |            |              |         |
| 2   | Nguyễn Phạm Ngọc Ánh |                 |                          |            |              |         |
| 3   | Phí Việt Đức         |                 |                          |            |              |         |
| 4   | Trần Đình Dũng       |                 |                          |            |              |         |
| 5   | Trần Phạm Thái Lai   |                 |                          |            |              |         |
| 6   | Nguyễn Bảo Lân       |                 |                          |            |              |         |
| 7   | Nguyễn Trang Linh    |                 |                          |            |              |         |
| 8   | Phạm Văn Mạnh        |                 |                          |            |              |         |
| 9   | Nguyễn Hồng Minh     |                 |                          |            |              |         |
| 10  | Đoàn Duy Tùng        |                 |                          |            |              |         |
| 11  | Đào Anh Tuấn         |                 |                          |            |              |         |
|     |                      |                 |                          |            |              |         |

**Giảng viên chấm thi 2**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

PHIẾU TỔNG KẾT ĐIỂM HỌC PHẦN

Hình thức đào tạo: .....  
Học kỳ: ....., năm học: 20... - 20...

Môn học: .....Số TC:.....  
Lớp: Đạo diễn điện ảnh K44.Hình thức thi:.....

| TT  | Họ và tên sinh viên  | Điểm chuyên cần<br>(Hệ số 1) | Điểm TB kiểm tra<br>(Hệ số 3) | Điểm thi học phần<br>(Hệ số 6) | Điểm tổng kết học phần | Ghi chú |
|-----|----------------------|------------------------------|-------------------------------|--------------------------------|------------------------|---------|
| (1) | (2)                  | (3)                          | (4)                           | (5)                            | (6)                    | (7)     |
| 1   | Nguyễn Phương Anh    |                              |                               |                                |                        |         |
| 2   | Nguyễn Phạm Ngọc Ánh |                              |                               |                                |                        |         |
| 3   | Phí Việt Đức         |                              |                               |                                |                        |         |
| 4   | Trần Đình Dũng       |                              |                               |                                |                        |         |
| 5   | Trần Phạm Thái Lai   |                              |                               |                                |                        |         |
| 6   | Nguyễn Bảo Lâm       |                              |                               |                                |                        |         |
| 7   | Nguyễn Trang Linh    |                              |                               |                                |                        |         |
| 8   | Phạm Văn Mạnh        |                              |                               |                                |                        |         |
| 9   | Nguyễn Hồng Minh     |                              |                               |                                |                        |         |
| 10  | Đoàn Duy Tùng        |                              |                               |                                |                        |         |
| 11  | Đào Anh Tuấn         |                              |                               |                                |                        |         |
|     |                      |                              |                               |                                |                        |         |

Nhận phiếu

Ngày.....tháng.....năm 20....

CÁN BỘ PHÒNG ĐT, QLKH và HTQT

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày.....tháng.....năm 20....

KHOA/TRUNG TÂM

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày.....tháng.....năm 20....

GIẢNG VIÊN BỘ MÔN

(Ký, ghi rõ họ tên)